

Số: 2797/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026–2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 328-KH/TU ngày 24/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1855/TTr-SKHCN ngày 20/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026–2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cung cấp cơ sở khoa học phục vụ xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung vào các lĩnh vực, sản phẩm, ngành hàng trọng điểm nhằm thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên

tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ; làm chủ và ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến, tạo bước đột phá về chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và các lĩnh vực công nghệ ưu tiên khác, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

- Sử dụng và phát huy hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh, gắn kết nghiên cứu với thực tiễn, phục vụ thiết thực các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn; góp phần giải quyết các vấn đề cấp thiết về kinh tế, xã hội, môi trường, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và nâng cao đời sống nhân dân.

- Sử dụng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ có hiệu quả phục vụ thiết thực các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ cho người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần giải quyết các vấn đề cấp thiết về kinh tế, xã hội và môi trường, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh giai đoạn 2026–2030, nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực trọng điểm; góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh Nghệ An.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và các công nghệ tiên tiến khác, tập trung trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, quản lý môi trường, xây dựng đô thị thông minh và các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Đến năm 2030, tỷ lệ kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt trên 60% mỗi năm; trong đó, tỷ lệ kết quả được ứng dụng trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đạt trên 50%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu của các viện, trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt trên 10%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện, trường đạt trên 10%.

- Đến năm 2030, hàng năm triển khai tối thiểu 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và hoàn thành nghiệm thu ít nhất 40 nhiệm vụ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp

- Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải; phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các công nghệ thân thiện với môi trường trong chọn tạo, nhân giống các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nhất là đối với cây dược liệu, lúa, rau hoa, cây ăn quả, gia súc, thủy sản... phù hợp với đặc thù từng vùng sinh thái; qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ các loại nông, lâm, thủy sản có giá trị kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng trong trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh hại, xử lý môi trường, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; trong nuôi trồng, chế biến tảo, vi tảo, nấm.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên rừng. Nghiên cứu, triển khai các mô hình trồng cây dược liệu, cây gỗ lớn, cây lấy tinh dầu, kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng gắn với khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ rừng, nhằm tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm giải phóng và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp; đồng thời phát triển, khai thác và thương mại hóa tín chỉ carbon trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực y, dược

- Nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao và phát triển các công nghệ mới, tiên tiến và kỹ thuật cao trong lĩnh vực y tế, khám chữa bệnh, phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; trọng tâm là các công nghệ y học tái tạo và kỹ thuật tạo mô, công nghệ tế bào gốc, công nghệ enzyme, công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới (NGS), các phương pháp điều trị đích trong ung thư và các công nghệ y học hiện đại khác.

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo mô hình “Một sức khỏe” (One Health), bảo đảm cách tiếp cận liên ngành, đa trung tâm, với sự phối hợp của các bệnh viện tuyến Trung ương, các trường đại học y dược và sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kiểm soát và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai các giải pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trong quản lý và sử dụng thuốc, kháng sinh trong dự phòng và điều trị nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hạn chế tình trạng kháng thuốc. Đồng thời, nghiên cứu, ứng dụng và tăng cường quản lý trong công tác dự phòng, chẩn đoán, điều trị các dịch bệnh mới nổi, tái nổi và các bệnh không lây nhiễm.

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, khám, chữa bệnh, bệnh viện thông minh, hồ sơ bệnh án điện tử, thử nghiệm, áp dụng ứng dụng (apps) quản lý các bệnh mãn tính.

- Nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc dân gian, cổ truyền phục vụ khám chữa bệnh trong nhân dân.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng từ các loài cây thuốc đặc hữu của Nghệ An, nhằm hình thành và phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Nghệ An.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu quý; xây dựng và mở rộng các vùng trồng chuyên canh cây dược liệu; hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu. Ứng dụng công nghệ tách, chiết hoạt chất, công nghệ bào chế dược phẩm và sản xuất thực phẩm chức năng từ dược liệu.

3. Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kỹ thuật công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ 5G và thế hệ tiếp theo, công nghệ GIS, công nghệ truyền dẫn từ xa phục vụ phát triển xã hội (đào tạo từ xa, khám và chữa bệnh từ xa...). Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong cộng đồng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong các lĩnh vực: nông nghiệp, chính quyền điện tử; quản lý đô thị, giao thông; phòng chống thiên tai; tài nguyên rừng và đất đai; du lịch; quản lý biên giới...

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng các đô thị thông minh. Phát huy hiệu quả của chính quyền điện tử, xây dựng Chính quyền số. Phát triển mạnh mẽ, tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông. Phát triển các mô hình sản xuất thông minh, quản lý thông minh.

- Ứng dụng các loại vật liệu xây dựng mới; sản xuất vật liệu xây dựng tạo ra từ vật liệu mới, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng ít năng lượng, không ô nhiễm môi trường, năng suất cao để phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải (bao gồm cả chất thải rắn như chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nhựa, nước thải và khí thải) bằng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường tại các khu đô thị và địa bàn biên đảo trọng điểm về phát triển du lịch.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ thông tin trong quản lý tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, đô thị; Tập trung nghiên cứu sử dụng các vật liệu mới có tính năng kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, y tế; Ứng dụng công nghệ tổng hợp và tự động hóa trong trồng trọt và chăn nuôi.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đảm bảo đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình Trung tâm điều hành thông minh cấp xã, trạm dịch vụ công tự động; đồng thời tích hợp các nền tảng quản trị số tại địa phương nhằm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã, phường..

4. Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn

4.1. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế phát triển nhanh và bền vững của tỉnh

- Nghiên cứu đánh giá vị thế, vai trò, tiềm năng của tỉnh Nghệ An trong thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững tiểu vùng Bắc Trung Bộ. Đánh giá khoa học, khách quan các điểm nghẽn trong tăng trưởng năng suất trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Các vấn đề liên quan đến liên kết tiểu vùng, liên vùng, khu vực, quốc tế để phát triển kinh tế.

- Nghiên cứu các mô hình kinh tế mới: kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm, kinh tế chia sẻ, kinh tế di sản, kinh tế dược liệu, kinh tế ứng phó với biến đổi khí hậu, nông nghiệp số, du lịch xanh, du lịch tái tạo, du lịch số...

- Nghiên cứu phát triển kinh tế gắn với khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Động lực, mô hình, chính sách phát triển, cơ chế giám sát về kinh tế và quản lý kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế số, chính quyền số, đô thị thông minh...

- Nghiên cứu dự báo, xu thế quốc tế về các nhân tố, nguồn lực phục vụ cho xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu về chuỗi giá trị, các phương thức quản trị, hợp tác, các mô hình liên kết. Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực Nghệ An để đưa ra chiến lược, phương án phát triển.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển sinh kế cho người dân, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, môi trường khởi nghiệp, cải cách hành chính.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4.2. Nghiên cứu các vấn đề xã hội - văn hoá - dân tộc

a) Các vấn đề xã hội

- Nghiên cứu cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ các nhà khoa học, các chuyên gia, người có tài năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và mục tiêu phát triển xã hội, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu an sinh và phúc lợi xã hội hướng đến phát triển bao trùm.

- Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển và quản trị xã hội; nghiên cứu mối quan hệ cộng đồng, sự tham gia của người dân nhằm phát triển cộng đồng trong bối cảnh biến đổi xã hội, hội nhập và phát triển.

- Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách công đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung nghiên cứu, phân tích một số vấn đề xã hội hiện đại như bất bình đẳng xã hội, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tệ nạn xã hội, thất nghiệp và việc làm, đạo đức và lối sống của giới trẻ, tác động của mạng xã hội. Đồng thời, nghiên cứu, đánh giá hiệu quả và tác động của quá trình chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

b) Các vấn đề văn hoá

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số trong công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phục hồi và bảo tồn di tích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phục vụ phát triển địa phương (di sản văn hóa tâm linh, văn hóa gắn với hệ sinh thái, văn hóa gắn với cộng đồng các dân tộc...).

- Nghiên cứu phát huy công nghiệp văn hoá, phát triển văn hoá số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng, phát triển sản phẩm công nghiệp văn hóa từ tri thức bản địa đồng bào dân tộc miền Tây Nghệ An.

- Nghiên cứu xây dựng quảng bá quê hương chủ tịch Hồ Chí Minh đến với quốc tế.

- Nghiên cứu những vấn đề văn hoá trong quá trình đô thị hoá và xây dựng văn hoá đô thị ở Nghệ An.

c) Các vấn đề dân tộc

- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi và vùng biên giới tỉnh Nghệ An.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Nghệ An trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

- Nghiên cứu phát huy các nguồn lực con người (các tộc người) và tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

d) Các vấn đề lịch sử

- Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát huy các giá trị văn hiến 1.000 năm danh xưng Nghệ An.

- Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khảo cổ các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử của Nghệ An. Vấn đề lịch sử - văn hóa gắn với phát triển kinh tế, đặc biệt là gắn với phát triển du lịch.

4.3. Nhóm các vấn đề về Quốc phòng - An ninh ở Nghệ An

- Nghiên cứu các giải pháp phòng ngừa và xử lý những mâu thuẫn và xung đột xã hội phát sinh trong điều kiện kinh tế thị trường ở Nghệ An.

- Giải pháp về an ninh biên giới, về xây dựng khu vực phòng thủ và lực lượng phòng thủ ở Nghệ An trong tình hình mới.

- Nghiên cứu các giải pháp phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội

- Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ an ninh mạng và phòng chống tội phạm lợi dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Các giải pháp phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

4.4. Nghiên cứu các vấn đề về ngoại giao, hợp tác của tỉnh

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chính sách đối ngoại để thúc đẩy hội nhập quốc tế của tỉnh. Xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm văn hoá để ứng dụng vào thực tiễn. Quảng bá văn hóa, hình ảnh đất nước con người Nghệ An ra bên ngoài.

- Nghiên cứu xây dựng các chính sách, giải pháp thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác của Nghệ An với đối tác trên thế giới nhằm thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thu hút đầu tư nước ngoài, khu kinh tế, khu công nghiệp, liên kết vùng, thương mại đầu tư xuyên biên giới, logistics.

5. Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển nguồn năng lượng mới

- Tập trung nghiên cứu, xác định các luận cứ khoa học và thực tiễn trong xây dựng các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An.

- Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tại các khu du lịch; triển khai các công nghệ phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; đồng thời nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản, các công trình thủy điện lớn và nhỏ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng sạch phục vụ nông nghiệp sinh thái; thúc đẩy mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển du lịch; triển khai sử dụng năng lượng mặt trời trong tưới tiêu và các hệ thống tự động hóa sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu về môi trường biển khi phát triển khu kinh tế, công nghiệp ven biển, đảo, vịnh; đồng thời phát triển kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực.

6. Khoa học và Công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

- Tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo gồm khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trung tâm đổi mới sáng tạo, trường đại học, viện nghiên cứu, gắn với công nghiệp 4.0.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ giống tiên tiến (của Châu Âu, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...), công nghệ nhà kính hiện đại của Israel; áp dụng công nghệ thông tin trong điều khiển tự động và quản lý tưới tiết kiệm nước, nhiệt độ, độ ẩm, dinh dưỡng, ánh sáng (từ Israel, Đài Loan, Mỹ...). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng trang trại thông minh, trong đó có hệ thống Camera giám sát côn trùng và các yếu tố gây hại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê cho các ngành kinh tế của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud), phục vụ cho công tác nghiên cứu, quản lý, tư vấn và giám sát.

7. Khoa học và Công nghệ trong phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện – trường, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp.

- Nghiên cứu mô hình đổi mới sáng tạo mở (open innovation) thích ứng với điều kiện địa phương, khuyến khích sử dụng tri thức, công nghệ từ bên ngoài và chia sẻ nguồn lực trong nội bộ hệ sinh thái.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách để hình thành và vận hành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp vùng đặt tại Nghệ An; hỗ trợ vườn ươm, trung tâm công nghệ mở, không gian sáng tạo.

- Nghiên cứu các mô hình liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và chính quyền địa phương trong nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu giải pháp phát triển Nghệ An trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm chuyển giao công nghệ tiểu vùng Bắc Trung Bộ, kết nối chuỗi giá trị khoa học – sản xuất – thị trường giữa các tỉnh trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ.

8. Khoa học và Công nghệ trong chuyển đổi số và nghiên cứu các công nghệ tiên tiến

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Blockchain, dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa... trong sản xuất và quản lý.

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện mô hình chính quyền số, hướng tới chính quyền thông minh.

- Nghiên cứu các mô hình phát triển kinh tế số các ngành, lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực mũi nhọn, ưu tiên của tỉnh.

- Nghiên cứu triển khai hạ tầng, dịch vụ đô thị thông minh; kết nối các dịch vụ đến Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh.

9. Khoa học và Công nghệ trong nhân rộng các kết quả nghiên cứu

- Nghiên cứu đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã nghiệm thu được Hội đồng khoa học và công nghệ khuyến nghị có khả năng nhân rộng dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội, điều kiện áp dụng và nhu cầu của địa phương.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên kết với các đơn vị nghiên cứu tổ chức xây dựng các mô hình nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm đẩy nhanh sản xuất tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị lưu thông trên thị trường.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ các tổ chức cá nhân tiếp nhận các quy trình công nghệ được tạo ra từ các nghiên cứu khoa học; hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện bộ nhân diện thương hiệu cho các sản phẩm; hỗ trợ tổ chức sản xuất, tiêu thụ và thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường...

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan xác định các nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực triển khai Chương trình hàng năm và dự toán ngân sách thực hiện, thông qua Sở Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định.



b) Chủ trì đánh giá và kiểm tra việc thực hiện Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2026–2030; định kỳ hằng năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời đề xuất, kiến nghị, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các phường, xã và cơ quan, đơn vị có liên quan

Thực hiện Chương trình này theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời tích cực đề xuất các giải pháp thúc đẩy các lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương triển khai hiệu quả khoa học và phát triển công nghệ trong thời gian tới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long